

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30/11/2022.

Về việc: “Ly hôn, con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Trí Lý.
- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Phan Xuân Thắng và ông Lê Khắc Dũng.
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Y Kăn Niê – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar.
- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar tham gia phiên tòa:*
Ông Cao Văn Tiến - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 30/11/2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắc Lắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 442/2022/TLST-HNGĐ, ngày 14/10/2022; Theo quyết đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐXX-HNGĐ, ngày 14/11/2022; giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà V, sinh năm 1982.

Trú tại: Thôn H, xã P, huyện K, tỉnh Đắc Lắc – Có mặt.

* **Bị đơn:** Ông L, sinh năm 1972.

Trú tại: Thôn H, xã P, huyện K, tỉnh Đắc Lắc – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà V trình bày:***

Tôi (V) và ông L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sống chung hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không hoà thuận được về cách sống cũng như công việc, không còn tin tưởng nhau dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đã sống ly thân từ tháng 3/2018 đến nay. Nay thấy tình cảm giữa hai bên không còn, không thể chung sống cùng nhau được nữa, nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ hôn nhân là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian sống chung, ông bà có 02 con chung: Cháu V, sinh ngày 01/12/1999. Hiện nay cháu V đã thành niên (đủ 18 tuổi) nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu H, sinh ngày 23/06/2008 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng chi phí nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi đã tự thoả thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn ông L trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi đồng ý với ý kiến trình bày của bà V. Nay tình cảm hai ông bà dành cho nhau không còn, không thể chung sống cùng nhau nên đề nghị Toà án giải quyết không công nhận tôi và bà V là vợ chồng.

- Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung như bà V đã trình bày. Hiện nay cháu V đã thành niên (đủ 18 tuổi) nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Bà V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con H, sinh ngày 23/06/2008 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con. Tôi đồng ý với nguyện vọng của bà V.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi đã tự thoả thuận với nhau, không

yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã tiến hành triệu tập các đương sự để giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Căn cứ Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các đương sự giữ nguyên yêu cầu, đề nghị xét xử theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- **Về tố tụng:** Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã ban hành các quyết định, cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật; Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán đã giải thích đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự tại phiên tòa. Các đương sự thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- **Về nội dung:** Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà V. Tuyên bố không công nhận bà V và ông L là vợ chồng.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa các bên: Giao con chung H, sinh ngày 23/06/2008 cho bà V được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Về tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên đề nghị không đề cập giải quyết.

Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về phần án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của đương sự, Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Bà V có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ea Kar giải quyết không công nhận giữa bà V và ông L là vợ chồng; các đương sự đăng ký hộ khẩu và thường trú tại huyện Ea Kar nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của bà V đề nghị tòa án không công nhận mối quan hệ hôn nhân giữa bà với ông L là vợ chồng.

Căn cứ lời khai của các bên, kết quả xác minh tại địa phương nơi cư trú đã có thể khẳng định ông L với bà V về chung sống với nhau từ năm 1998, từ thời điểm về chung sống với nhau không đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, mối quan hệ hôn nhân giữa bà V, ông L không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, vi phạm nghĩa vụ của các bên khi về sống chung với nhau phải đăng ký kết hôn theo quy định. Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06 tháng 01 năm 2016. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V, không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà V và ông L là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian sống chung, ông bà có 02 con chung: cháu V, sinh ngày 01/12/1999. Hiện nay cháu V đã thành niên (đủ 18 tuổi) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà V, ông L thỏa thuận, giao cháu H, sinh ngày 23/06/2008 cho bà V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng. Xét thấy, việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

* Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

* Về án phí: Bà V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06 tháng 01 năm 2016; điểm a Khoản 5 Điều 27, tiêu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V.

- **Về quan hệ hôn nhân:** Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà V với ông L là vợ chồng.

- **Về con chung:** Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự: Giao cháu H, sinh ngày 23/06/2008 cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà V không yêu cầu nên không giải quyết.

Đối với cháu V, sinh ngày 01/12/1999 hiện đã trên 18 tuổi nên không đề cập giải quyết.

Ông L được quyền đi lại thăm nom con chung và không ai được cản trở. Tuy nhiên, ông L không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết, các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung.

2. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

3. Về án phí: Bà V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng bà V đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2021/0020268, ngày 13/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

* **Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện K;
- Chi cục Thi hành án huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, V.P

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Trí Lý